

Số: 136/2018/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 06 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, lô B188, khu T6, phường T, quận Hải An, Hải Phòng; nơi ở: Thôn N, xã A, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 1, lô B188, khu T6, phường T, quận Hải An, Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao hai con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/12/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 7/2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật (mỗi con chung: 1.250.000 đồng/tháng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

Chị T và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Chị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0016297 ngày 06 tháng 6 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường T, quận Hải An, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Lương Thị Hải Hà